

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 27/2021/HSST
Ngày 06 - 5 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Thẩm Phán: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Cường

Bà Nguyễn Thị Quang

Ông Lê Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Bùi Thị L (tên khác Nguyễn Thị M), sinh năm 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

HKTT: Tổ 4, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: công giáo; Cha: Bùi Văn T (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Đ (đã chết); chồng: Vũ Tuyên Q, sinh năm 1968; có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 15/10/2020 (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị L:* Luật sư Đỗ Văn H – Văn phòng luật sư Đỗ Lê thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

* *Bị hại:* - Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* - Ông Vũ Tuyên Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Tống Ngọc Anh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và theo diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị L (tên gọi khác là Nguyễn Thị M) và bà Phạm Thị Hồng H, bà Trần Thị T là chỗ quen thân. Từ năm 2015 đến năm 2019, bà H, bà T có góp vốn nuôi gà, vịt với L, nhờ L chơi hội giúp và cho L vay tiền nhiều lần nên L nợ bà H số tiền 3.400.000.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm triệu đồng), nợ bà T số tiền là 492.000.000đ (bốn trăm chín mươi hai triệu đồng). Do bị bà H, bà T nhiều lần yêu cầu trả nợ tiền, Bùi Thị L nghĩ ra cách nói dối bà H, bà T là đang đầu tư mua bán đất để kéo dài thời gian trả nợ và trả lãi cho nhiều người khác. Vì vậy, ngày 22/5/2019, bà L nói dối với bà H là đang nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 01 lô đất trị giá 3.000.000.000 đồng ở xã BR, huyện X và đề nghị bà H góp vốn 1.500.000.000 đồng, khi nào chuyển nhượng cho người khác có lời sẽ chia cho bà H. Bà H tin tưởng là có thật nên đồng ý đưa cho bà L hai lần tổng cộng 500.000.000đ (ngày 22/5/2020 đưa 300.000.000đ, sau đó khoảng 01 tuần đưa tiếp 200.000.000đ), còn 1.000.000.000 đồng, trừ vào số tiền bà L nợ bà H. Khoảng một tháng sau L tiếp tục nói dối với bà H đã bán được lô đất mua chung với giá 8.000.000.000đ, người mua đặt cọc 10.000USD; khi bà H đề nghị chia lợi nhuận thì L nói để tiền chỗ L mua lô đất khác trị giá 1.500.000.000đ, rồi đề nghị bà H hùn vốn thêm 750.000.000 đồng; lô đất này bà H đưa cho bà L hai lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng (lần đầu đưa 150.000.000đ, lần hai đưa 200.000.000đ tại nhà bà H), còn lại số tiền 400.000.000đ bà L nói cho bà H vì bán lô đất riêng của L có lời. Cùng thủ đoạn trên, khoảng hai tháng sau, L nói dối với bà H đã bán lô đất mua chung (lô thứ 2) với giá 2.200.000.000đ, người mua đặt cọc 200.000.000đ và L đề nghị giữ tiền lại để mua lô đất khác trị giá 950.000.000đ; L đề nghị bà H góp vốn 450.000.000đ; bà H đồng ý và đưa cho L 50.000.000đ, còn 400.000.000đ trừ vào số tiền L nợ bà H. Tổng số tiền bà H góp vốn nhận sang nhượng 03 lô đất chung với Bùi Thị L là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng).

Sau khi lừa được bà H góp vốn mua 02 lô đất đầu tiên, Bùi Thị L đến chơi tại nhà bà Trần Thị Th (sinh năm 1964, trú tổ 3, ấp T, xã B, huyện X), L nói dối bà T việc L và bà Phạm Thị Hồng H góp vốn mua lô đất ở xã BR, huyện X, trị giá 3.000.000.000đ và bán chắc sẽ có lời. Vì vậy, bà T tin tưởng việc mua đất là có thật nên đề nghị cho góp vốn mua chung với L. Khoảng một tháng sau bà T đưa số tiền góp vốn mua đất là 200.000.000đ cho L. Đến tháng 7/2019, L nói dối lô đất mua

chung (L, H, T) đã bán được 6.200.000.000đ; do bà T chỉ góp vốn 200.000.000đ nên chia lời được 200.000.000đ và đề nghị tiền vốn và tiền lời để lại L giữ để tiếp tục mua lô đất khác, bà T đồng ý.

Khi phát hiện L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bà H và bà T làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an huyện X giải quyết. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện X chuyển vụ án đến Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra theo thẩm quyền. Tại Cơ quan CSĐT Công an Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Bùi Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội (BL: 52 – 73; 89 – 90).

Toàn bộ số tiền lừa đảo chiếm đoạt của bà H và bà T, Bùi Thị L sử dụng vào việc trả lãi tiền vay cho nhiều người (trong đó có bà H, bà T, bà C, bà D ...); trả tiền nợ mua thức ăn gia súc, mua gà, vịt con giống; chi tiêu cá nhân và L không nhớ rõ số tiền cụ thể như thế nào nên không có cơ sở thu hồi trả cho người bị hại. (BL: 72, 73).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị Hồng H yêu cầu bị cáo Bùi Thị L hoàn trả số tiền chiếm đoạt 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng); bà Trần Thị T yêu cầu bị cáo L trả số tiền chiếm đoạt 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Đối với số tiền nợ 3.400.000.000đ của bà H và 492.000.000đ của bà T, Bùi Thị L thừa nhận là tiền vay, tiền hùn vốn chăn nuôi, nợ tiền hụi. Đây là giao dịch dân sự nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố bị cáo Bùi Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa trong bản luận tội vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, về hình phạt đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 14 năm tù.

Về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư Đỗ Văn H trình bày lời bào chữa cho bị cáo như sau: Qua tham gia vụ án và tham dự phiên tòa, luật sư đồng ý theo Cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết khai báo thành khẩn và hiện nay gia đình bị cáo lâm vào hoàn cảnh khó khăn, từ đó vận dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất theo phần bào chữa của luật sư và không có ý kiến gì thêm.

Bị hại và người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung sự việc như sau:

Từ tháng 5/2019 đến khoảng tháng 9/2019, tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bùi Thị L do chăn nuôi gia súc thua lỗ và không còn khả năng trả nợ tiền vay của nhiều người nên đã nói dối bà Phạm Thị Hồng H và bà Trần Thị T cùng góp vốn mua đất để bán kiếm lời chia nhau. Bà H, bà T tin tưởng là thật nên bà H góp vốn ba lần để mua 03 lô đất chung với Bùi Thị L và bị L chiếm đoạt số tiền là 900.000.000 đồng; bà T góp vốn mua một lô đất với L và bị L chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền Bùi Thị L chiếm đoạt của bà H và bà T là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Từ đó có căn cứ để kết luận bị cáo Bùi Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về pháp luật và hành vi của mình nhưng vì ham muốn cần tiền trả nợ mà bị cáo đã dùng lời nói của mình để người khác tin tưởng giao bị cáo số tiền để góp vốn mua đất chung nhằm kiếm lời rồi sau đó bị chiếm đoạt số tiền lớn. Hành vi của bị cáo thực

hiện có ý thức là cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại là khách thể được pháp luật bảo vệ, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Không.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bà Phạm Thị Hồng H yêu cầu bị cáo Bùi Thị L hoàn trả số tiền chiếm đoạt 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng); bà Trần Thị T yêu cầu bị cáo L trả số tiền chiếm đoạt 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Xét thấy đây là yêu cầu hợp pháp nên cần thiết buộc bị cáo Bùi Thị L phải trả cho bà Phạm Thị Hồng H số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và trả cho bà Trần Thị T 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Các vấn đề khác:*

+ Ông Vũ Tuyên Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (chồng của bị cáo) không liên quan đến hành vi tội phạm của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét đến.

+ Ông Tống Ngọc Anh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trước đây có đứng ra cho bị cáo mượn Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để vay tiền của cá nhân khác. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của ông T và Bùi Thị L không liên quan đến hành vi tội phạm của bị cáo nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị L (tên khác: Nguyễn Thị M)** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Thị L (tên khác: Nguyễn Thị M) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020.

II. Bồi thường dân sự, áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc Bùi Thị L chịu trách nhiệm bồi thường dân sự như sau:

1/ Bồi thường cho bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng);

2/ Bồi thường cho bà Trần Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Về xử lý vật chứng: Không.

IV. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

V. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Thiện